

## **YẾU TỐ MA THUẬT TRONG CÁCH CHỮA BỆNH CỦA NGƯỜI THÁI Ở NGHỆ AN (DÂN GIAN VÀ HIỆN TẠI)**

***Tóm tắt:** Người Thái ở miền núi tỉnh Nghệ An vốn sở hữu một nền y học dân gian độc đáo. Trước đây, y học dân gian thường phát huy được vai trò, tác dụng và hiệu quả của nó trong việc chữa bệnh của người dân. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực (như chữa bệnh bằng thuốc dân gian: cây, cỏ), thì đôi khi cách chữa bệnh của họ cũng mang tính ma thuật (xem bói đoán bệnh, bệnh do ma làm...). Hiện nay, nhờ các chính sách đầu tư của Nhà nước và Chính phủ Việt Nam về lĩnh vực y tế đối với vùng miền núi, dân tộc thiểu số nói chung, công tác chữa bệnh và chăm sóc y tế vùng người Thái ở Nghệ An đã được cải thiện đáng kể. Tuy vậy, do những khó khăn nhất định, nên việc tiếp cận cũng như thụ hưởng những thành tựu của y học hiện đại của người dân vẫn còn hạn chế. Do vậy, việc sử dụng và phát huy các thế mạnh của y học dân gian Thái vẫn là một biện pháp hiệu quả trong việc chăm sóc sức khỏe người dân.*

***Từ khóa:** Yếu tố ma thuật, chữa bệnh, người Thái, Nghệ An.*

### **1. Một số thông tin chung**

Trong 5 dân tộc thiểu số ở Nghệ An (Thái, Thổ, Khơ mú, Hmông và Ô đù), thì dân tộc Thái là dân tộc chiếm số đông hơn cả. Theo số liệu thống kê năm 2009, tỉnh Nghệ An có 295.312 người Thái (năm 2016 khoảng hơn 310.000 người). Người Thái cư trú tập trung chủ yếu ở các huyện miền núi, vùng cao: Tương Dương, Con Cuông, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Kỳ Sơn,... trong đó đông nhất tại các huyện: Quế Phong (51.340 người), Tương Dương (50.275 người), Quỳnh Hợp (47.632), Con Cuông (44.595) và Quỳnh Châu (40.890 người).

---

\* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Ngày nhận bài: 07/5/2017; Ngày biên tập: 26/5/2017; Ngày duyệt đăng: 20/6/2017.

Có 4 nhóm Thái là: Tày Mường, Hàng Tổng (*Tay Dọ*), Tày Thanh, Man Thanh (*Tày Nhại*), Tày Mươi và Tày Khăng. Nhóm Tày Mường tự nhận là Thái Trắng/Tày Đón, còn 3 nhóm Tày Thanh, Tày Mươi và Tày Khăng tự nhận là Thái Đen/Tày Đăm.

Người Thái sinh sống chủ yếu bằng canh tác ruộng nước và nương rẫy; chăn nuôi gia súc, gia cầm; duy trì các nghề thủ công như dệt vải, đan lát. Tập quán săn bắn, hái lượm và đánh bắt cá ở sông suối tuy vẫn còn duy trì, song đã giảm đáng kể. Hiện nay, ở khắp các địa phương của người Thái (cũng như các dân tộc khác trong tỉnh), xuất hiện các ngành nghề mới như nuôi trâu, bò, dê, nhất là nuôi lợn thành đàn; mô hình trang trại vườn rừng (keo, cao su, chanh leo), nuôi cá lồng. Các dịch vụ: sửa chữa xe máy, cửa hàng ăn uống, cà phê, cắt tóc gội đầu, điện thoại di động, bán hàng tiêu dùng... mọc lên ở khắp nơi. Bên cạnh đó, hệ thống đường sá nông thôn được cải thiện đáng kể (đường bê tông, đường cấp phối, trải nhựa), xe ô tô có thể đến tận hầu hết các trung tâm xã, hơn 85% người dân được sử dụng điện lưới quốc gia, được xem truyền hình. Công tác giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân ngày càng được cải thiện.

Dù sống xen kẽ hay biệt lập, ở thị trấn hay vùng cao, vùng sâu, vùng xa và với số lượng chênh lệch nhau, nhưng tình đoàn kết và mối quan hệ giữa người Thái với các dân tộc Thổ, Khơ mú, Hmông và Ô đư (và với cả người Kinh) không ngừng được củng cố. Với số lượng dân số đông nhất trong các dân tộc thiểu số, nên từ trước tới nay, bên cạnh tiếng Việt, tiếng Thái là ngôn ngữ giao tiếp chính trong vùng. Có thể nói, từ xưa tới nay, người Thái luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá xã hội cũng như trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh, quốc phòng của vùng miền tây Nghệ An.

## **2. Các khía cạnh liên quan đến sức khỏe, bệnh tật**

### *2.1. Quan niệm của người Thái về sức khỏe và bệnh tật*

Theo quan niệm của người Thái, người có sức khỏe (*mi hanh*) là người có cơ thể cường tráng, da dẻ hồng hào, tóc đen, dày, đi lại nhanh nhẹn, hoạt bát. Người có sức khỏe có thể lao động quanh năm mà không bị đau ốm. Sức khỏe này có được là do: di truyền từ giống

nòi của ông bà, cha mẹ; do ăn uống đủ chất, ngủ nghỉ điều độ, biết giữ gìn vệ sinh cơ thể và môi trường xung quanh. Về mặt tâm linh, người Thái cho rằng: người có sức khỏe là do kiếp trước, người đó ăn ở có phúc đức, chăm lo thờ cúng, không làm điều xấu, nên được *Then Ló* (Then Đúc ra người) ban tặng. Ngoài ra, họ còn cho rằng: muốn có sức khỏe tốt, con người nên yêu thương, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau, không nên suy nghĩ, tính toán hơn thiệt để cho đầu óc thư thái, nhất là không nên có âm mưu làm hại người khác.

Về bệnh tật (*chép xay*), người Thái cho rằng, biểu hiện của bệnh tật là cơ thể gầy yếu, da má, xanh xao, vàng vọt, tóc thưa, đi lại chậm chạp, người thường uể oải. Người bị bệnh tật thường không có khả năng tham gia lao động, nhất là các việc nặng nhọc, nên thường chỉ làm được việc nhẹ nhàng. Theo cách giải thích của người Thái thì, ngoài một phần do di truyền từ giống nòi, nguyên nhân của ốm đau, bệnh tật là do ăn uống, ngủ nghỉ không đầy đủ, thiếu chất dinh dưỡng dẫn đến cơ thể gầy yếu. Ngoài ra, họ còn cho rằng nguyên nhân bệnh tật còn do kiếp ông bà, cha mẹ ăn ở thiếu đạo đức với dân làng, hay ăn trộm cắp, chửi thề ma quỷ, xao nhãng việc thờ cúng, nên bị thần thánh, ma quỷ trừng phạt.

Về mặt tâm linh, cách giải thích phổ biến của người Thái về tình trạng bệnh tật thường theo quan niệm Hồn linh giáo. Cụ thể là, con người sống được là nhờ có linh hồn (*khoăn/văn*) và vía (*ngau*) ngụ trong thể xác. Theo họ, số lượng hồn cụ thể ngụ trong cơ thể mỗi con người không thể tính hết được, chỉ biết hồn được phân bố đều trên khắp cơ thể con người. Trong lời cúng có câu: “*xam xíp khoăn/văn tang nà, hà xíp khoăn tang lăng, khoăn chung chăng xoong xàng*” (30 hồn đằng trước, 50 hồn phía sau, hồn lau nhau ngụ hai bên sườn) hoặc “*xam xíp minh văn châu, cầu hội minh văn hua*” (30 hồn ngụ trong cơ thể và 900 hồn khác ngụ ở trên đầu). Tuy nhiên, người ta cũng có thể chỉ ra được một số vị trí trên cơ thể có hồn cư ngụ: *văn hua* (hồn đầu), *văn ta* (hồn mắt), *văn hu* (hồn tai), *văn táp* (hồn gan), *văn pọt* (hồn phổi), *văn chor* (hồn tim...). Trong tổng số các hồn kể trên có một hồn chủ được coi là hồn gốc (*văn tôn*) ngụ ở chòm tóc trên đỉnh đầu (*chom văn*). Vì thế, người Thái kiêng việc xoa đầu hay đánh vào đầu trẻ em vì sợ hồn chủ sẽ lìa khỏi thân xác, dẫn đến ốm đau, bệnh tật, thậm chí

có thể chết. Điều này cho thấy, về bản chất và chức năng thì *khoăn/văn* (tức hồn) là “cơ quan” bảo vệ cho thân xác và duy trì sự sống của con người - nơi mà chính nó trú ngụ.

Một trong những đặc tính của hồn là hay đi lang thang, mãi chơi quên cả đường về hoặc thường bị ma quỷ bắt cóc, không trở về nhập vào thể xác được, nên con người mới bị đau ốm. Do vậy, mỗi khi bị đau ốm, người nhà phải lấy chiếc áo của người bị ốm đi xem bói để biết được hồn lạc ở đâu, bị ma nào bắt. Sau đó, gia chủ phải sắm lễ vật, mời thầy cúng đến làm lễ gọi hồn (*hiếc khoăn/văn*), buộc chỉ cổ tay (*còi/phục khen*) để chuộc hồn về. Lễ gọi hồn cũng có nhiều hình thức và cấp độ cao thấp khác nhau. Tùy theo mức độ ốm nhẹ hay nặng mà người ta chuẩn bị mâm lễ vật cúng là trứng, gà hay mổ lợn, thậm chí là mổ trâu/bò. Hiện nay, lễ gọi hồn vẫn là tập quán phổ biến của người Thái Việt Nam nói chung, người Thái ở Nghệ An nói riêng.

Ngày nay, hầu hết người Thái đã nhận thức được rằng, sức khỏe có nguồn gốc từ quá trình chăm sóc thai nhi, nuôi dưỡng, ăn uống điều độ, đủ chất dinh dưỡng và biết đề phòng bệnh tật. Người Thái cũng hiểu rằng, các trường hợp bị bệnh tật là do ăn uống thiếu chất hoặc nghèo đói do kinh tế khó khăn; do sinh hoạt không hợp vệ sinh, lao động quá sức; do môi trường sống và nguồn nước bị ô nhiễm (không có nhà vệ sinh, phóng uế bừa bãi, gia súc gia cầm chần thả rông...), nên nhiều vi khuẩn gây bệnh. Bởi vậy, người Thái đã và đang ngày càng quan tâm hơn tới các biện pháp phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, do các cơ sở y tế còn non kém, khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân hạn chế, trong khi khí hậu miền núi thường khắc nghiệt, ẩm ướt, nóng và rét bất thường, cùng với một số tập quán, thói quen khác... vẫn là những yếu tố bất lợi ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến sức khỏe và bệnh tật cho người dân.

## *2.2. Những loại bệnh thường gặp*

Dựa vào vốn kinh nghiệm dân gian, các thầy mo người Thái đã phân biệt được những bệnh thường mắc phải theo mùa và theo từng lứa tuổi. Những bệnh hay gặp vào mùa Đông gồm: cảm cúm, sổ mũi, đau mắt đỏ, đau khớp; Những bệnh thường gặp vào mùa Hè gồm: Sốt rét, tiêu chảy, đau bụng, đau mắt, đau răng, đau đầu, bệnh gan. Mỗi loại bệnh đều có một vài phương thuốc chữa trị.

Theo lứa tuổi, trẻ em thường mắc các bệnh: Suy dinh dưỡng, viêm phổi, viêm phế quản, đau bụng giun, tiêu chảy, viêm họng, bệnh ngoài da... Người già thường mắc những bệnh: Đau lưng, hen suyễn, lao lực... Người trong độ tuổi lao động thường mắc bệnh: Đau lưng, đau dạ dày, bệnh gan, thận... Riêng phụ nữ thường mắc các bệnh: phụ khoa, đau mắt, bướu cổ, viêm tuyến vú, nhức mỏi cơ thể, đau đầu, hoa mắt chóng mặt, ốm vặt khi thai nghén...

Đáng chú ý là những năm trước đây, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS ở lứa tuổi thanh niên đang có xu hướng gia tăng. Ví dụ, số người nhiễm HIV/AIDS ở huyện Quỳnh Châu năm 2005 là 79 người, chiếm 2,9% tổng số người nhiễm HIV toàn tỉnh Nghệ An (*Số liệu báo cáo của Phòng Y tế huyện Quỳnh Châu năm 2006*). Năm 2009, số người nhiễm HIV trong địa bàn huyện tăng lên 221 người, gấp 2,8 lần so với năm 2005 và chiếm 4,4% tổng số người nhiễm HIV tỉnh Nghệ An (*Số liệu báo cáo của Phòng Y tế huyện Quỳnh Châu năm 2010*).

### **3. Cách chữa bệnh dân gian của người Thái**

#### *3.1. Các cách chẩn đoán bệnh*

Đối với những người bị đau ốm, bệnh tật, nhưng không có biểu hiện các triệu chứng bệnh lý (kém ăn, tiểu tụy, khó thở, ngất xỉu...), người ta thường sử dụng thuật xem bói để chẩn đoán bệnh. Thuật xem bói có hai cấp độ. 1) Nếu ốm nhẹ, thì người nhà lấy áo của người bị ốm, đĩa trầu cau, bát gạo, chai rượu đến nhờ thầy mo (nam hoặc nữ) đoán bệnh gọi là *nhượng/dương* (bói bằng áo). Thao tác của cách bói bằng áo này gồm: cuộn tròn hoặc buộc túm cổ chiếc áo của người bệnh, sau đó cầm cổ áo giơ cao ngang mặt lắc lư cho áo đung đưa, đồng thời nói thầm các câu phù chú để hỏi chủ áo xem nguyên nhân bị bệnh. Mặc dù thao tác đơn giản, song thầy bói vẫn có thể đoán được phần nào nguyên nhân bệnh tật của người bị ốm để thông báo cho đương sự biết. Tuy nhiên, đôi khi nguyên nhân này thường không mấy chính xác, nên sau khi thực hành lễ cúng tạ lỗi, người ốm vẫn không thuyên giảm. 2) Trường hợp bị ốm nặng, thì người ta phải sắm lễ vật đến nhờ thầy mo xem bói (bằng que). Thao tác/hành động xem bói này gọi là *mo/mò*, được tiến hành theo trình tự, bài bản trong thời gian khá lâu. Lễ vật gồm: áo của người ốm, trầu cau, rượu, gạo, ít tiền. Đến nơi, lễ vật được bày ra mâm hoặc

một cái rỏ và đặt nó lên một chiếc chiếu trải dưới chân bàn thờ ma nhà, sau đó thầy bói đứng lên rót 2 chén rượu đặt lên bàn thờ (*hình một/hình môn*) của vị tổ sư nghề treo trên vách mái nhà, khẩn mời tổ tiên về nhận lễ vật rồi nhắc ông xem bói xuống (Bình thường không ai được phép chạm vào hay nhìn vào bên trong chiếc túi đó, đặc biệt là phụ nữ bởi họ có thể làm ô uế và làm mất thiêng những đồ vật của thầy bói). Ông xem bói là một giống nửa khô, dài khoảng 20cm, phần đuôi ống để nguyên mắt, phần miệng có đai bịt bằng dây mây ken. Trong ống có 17 hoặc 23, thậm chí 30 que (số que ít nhiều tùy theo ống bói của từng người), dài khoảng 30cm, được chế tác bằng thanh tre, cây trúc nhỏ (trúc tếp) và lông nhím. Đầu của mỗi que bói được cắt gọt thành các hình thù kỳ dị như hình đầu rắn, đầu rồng; trên thân que đôi khi được khắc các vạch ngang, làm ký hiệu mà thường chỉ thầy bói mới biết ý nghĩa của chúng.

Đầu tiên, thầy bói nắm những que bói bằng tay phải rồi đưa vòng ra đằng sau rồi quay ra đằng trước, đập vào lòng bàn tay trái ba lần và hô “Hoa!” để thông báo cho tổ sư nghề. Sau đó số que được tách thành 2 phần, tay trái nắm một phần, tay phải nắm một phần. Thầy bói gắp từng cặp que bói bên tay trái đặt vào các kẽ ngón giữa ngón trỏ và ngón giữa, ngón giữa và ngón đeo nhẫn, giữa ngón đeo nhẫn và ngón út của bàn tay phải. Theo nguyên tắc thông thường, thầy bói gọi kẽ giữa ngón đeo nhẫn và ngón út là *tin* (chân), kẽ giữa ngón giữa và ngón đeo nhẫn là *chơ* (tim), kẽ giữa ngón trỏ và ngón giữa là *hua* (đầu). Các bước làm trên tiếp tục được lặp đi lặp lại cho tới khi ở bàn tay trái chỉ còn lại một hoặc hai que. Những chiếc que đầu tiên ở kẽ ngón cái và ngón trỏ của tay trái được đặt xuống. Sau đó những chiếc que đang bị ghì chặt ở giữa những ngón tay phải sẽ được chuyển sang tay trái để gọi và thông báo cho vị tổ sư nghề về giúp sức để tìm nguyên nhân của người bệnh. Ví dụ, bói về nguyên nhân ốm đau, nếu mỗi kẽ ngón tay có 5 chiếc que, thì bệnh tật không phải do hồn lạc hay bị ma bắt, mà do nguyên nhân khác. Nếu kẽ giữa ngón trỏ và ngón giữa có 5 chiếc que và kẽ giữa ngón giữa và ngón đeo nhẫn có 6 chiếc que, hoặc kẽ giữa ngón giữa và ngón đeo nhẫn có 6 chiếc que và kẽ ngón đeo nhẫn và ngón út có 5 chiếc que, thì nguyên nhân ốm đau là do ma quỷ làm hại. Thầy bói sử dụng những kiến thức bí truyền để đọc những vạch khắc, các nấc và hình thù trên những chiếc que để xác định tên của các loại gây ra đau ốm và những lễ vật phẩm nào mà gia

đình nhà chủ phải chuẩn bị để cúng gọi/chuộc hồn. Trong trường hợp bị mất của, thì thầy bói sẽ xác định được của bị mất đó có tìm lại được nữa hay không.

Đối với những người bị đau ốm, bệnh tật có biểu hiện các triệu chứng bệnh lý cụ thể như sốt cao, đau đầu, đau mắt, chóng mặt, ù tai, nóng trong người, đau ngực, nhức mỏi và suy nhược cơ thể; các bệnh đường ruột, bệnh ngoài da, hô hấp hay gãy chân tay, rần rết cắn... thì người ta vừa quan sát (trông mắt, màu da, giọng nói...), sờ trán, nắm chân tay để nhận biết: nhiệt cơ thể, nghe nhịp thở (thậm chí có người còn bắt mạch), kết hợp với áp dụng thuật xem bói nêu trên. Những quan sát, sờ nắm hoặc cả bắt mạch này là cơ sở để bốc thuốc truyền thống một cách chính xác để chữa trị đúng bệnh, hiệu quả.

### 3.2. Cách chữa bệnh

Có thể nói, cho đến trước năm 1975, các cơ sở y tế khám chữa bệnh ở vùng người Thái miền tây tỉnh Nghệ An còn rất yếu kém. Hầu như mỗi huyện chỉ có một bệnh viện với trang thiết bị nghèo nàn, đội ngũ y bác sĩ ít ỏi, trình độ chuyên môn thấp, hệ thống trạm y tế xã nơi có, nơi không và hầu như rất tạm bợ, thiếu thôn đủ thứ (*tại miền tây Nghệ An, một số huyện như Kỳ Sơn, Tương Dương, Quỳnh Châu..., mãi tới năm 2000, mới có bác sĩ cho tuyến y tế xã, còn trước đó, chưa có*). Vì thế, việc chữa bệnh của các dân tộc thiểu số nói chung, của người Thái nói riêng hầu như chỉ áp dụng cách chữa trị dân gian (bói, gọi hồn, uống thuốc dân tộc), trong đó phổ biến nhất là xem bói (để biết nguyên nhân ma làm) rồi mổ gà, lợn để cúng gọi hồn tạ lỗi với ma. Thật vậy, như trên đã đề cập, một trong nguyên nhân của ốm đau và bệnh tật của con người là do hồn vía bị lạc đường về hay bị ma quỷ và các thế lực siêu nhiên làm hại. Nếu hồn vĩnh viễn lìa khỏi thể xác thì con người sẽ chết. Vì thế, muốn hồn hồn trở lại nhập vào thể xác, trước hết, người ta phải xem bói để biết nguyên nhân cụ thể, sau đó mới tổ chức lễ cúng gọi hồn (*hiếc khoăn/văn*).

#### 3.2.1. Lễ gọi hồn

Lễ gọi hồn có nhiều dạng/cấp độ từ đơn giản đến phức tạp khác nhau:

Dạng thứ nhất gọi là *họng văn/hiếc khoăn on* (gọi hồn lạc). Đây là cách gọi hồn đơn giản nhất, do con người khi đang làm một việc gì đó

tự nhiên giật mình sợ hãi làm cho hồn vía rời khỏi cơ thể không biết đường trở về. Để gọi hồn lạc, người ta lấy áo của người ốm cho vào trong một cái giỏ, bỏ thêm vào đó 1 gói cơm, 1 con gà luộc chín, hoặc 1 gói muối (nếu nhà nghèo). Sau đó thầy mo hoặc một người nào đó biết gọi hồn cầm giỏ ra ngã ba đầu bản gọi hồn. Thời điểm gọi hồn thích hợp nhất là lúc xế chiều, bởi người Thái cho rằng, hồn vía cũng như con người, ban ngày mãi mê làm việc, tối đến mới về nhà. Nhưng vì hồn bị lạc không biết đường về, nên người nhà phải ra đầu bản để đón. Gọi hồn xong, người nhà phải làm thịt 1 con gà (có thể thay bằng cá nướng) để cúng cho hồn vía người ốm được khoẻ mạnh. Gà sau khi luộc chín được chia làm 3 phần, trong đó có 2 phần thịt và 1 phần gồm có đầu, chân, lòng, mê. Trong mâm cúng còn phải có thêm 1 nắm xôi, 2 cái bát và 5 đôi đũa. Mâm cúng được đặt ngay tại chân giường người ốm. Lúc thầy mo thực hành nghi lễ, người ốm phải ngồi bên cạnh mâm cúng (nếu đi bệnh viện hay vì lý do nào đó mà vắng nhà thì phải lấy áo đặt cạnh mâm). Sau lễ cúng hồn, người ốm ném 3 miếng ở 3 phần thịt trong mâm cúng (nếu vắng nhà người ta lấy 3 miếng bỏ vào túi áo) gọi là *tom vãn/tom khoăn*. Người ốm *tom vãn* xong, thầy mo lấy 2 sợi chỉ đen hoặc sợi gai buộc vào cổ tay người ốm (trường hợp người ốm vắng nhà thì buộc vào ống tay áo) để cầm vía, không cho chúng ra ngoài.

Dạng thứ hai, gọi là *xọc vãn* (tìm hồn lạc). Đây là cách gọi hồn được tiến hành trực tiếp ngay tại nhà người ốm. Lễ vật chuẩn bị gồm có gà, xôi, rượu (nếu có cả rượu cần thì càng tốt). Lễ cúng này phải do *mo một, mo môn* đảm nhiệm. Vì chỉ có những người làm mo mới biết sử dụng các bài cúng một cách bài bản và chỉ có thầy mo mới biết sử dụng các pháp thuật để sai khiến quân lính nhà trời (gọi là *xeng*) tìm hồn lạc về. Trong quá trình cúng (*xên*) tìm hồn vía lạc, thầy mo còn mời cả *đằm nà hoóng* (linh hồn cha mẹ đã chết thờ ở *hoóng*) và *Pu xưa* (thần bản) đi cùng để nhận vía của người ốm. Khi kết thúc lễ tìm hồn lạc, người nhà cũng mổ 1 con gà để cúng “làm vía” cho hồn của người ốm và sau đó buộc vía để hồn vía người ốm được khoẻ mạnh.

Dạng gọi hồn thứ ba gọi là *ói vãn* (dỗ hồn lạc). Đây là cách gọi hồn khi hồn vía người ốm bị lạc vào một nơi mà ở đó quá vui, ma quỷ nơi đó lại tiếp đón rất chu đáo, nên hồn người ốm không muốn về. Để tổ

chức lễ *ói vắn*, thầy mo phải tìm một địa điểm mà hàng ngày người ốm vẫn thường hay lui tới để dựng 1 cái trạm gọi là “*huông*”. Tại cái trạm được gọi là *huông*, thầy mo dựng lên nhiều cảnh vật núi, rừng, bản - mường, chợ búa với nhiều cửa ngon, vật lạ, tổ chức nhiều trò chơi dân gian thật đông vui để hồn vía lạc tìm đến chơi. Từ đó, ông mo mới phát hiện ra hồn vía của người ốm mà dụ dỗ chúng về. Sau lễ gọi hồn, người nhà cũng làm 1 con gà để cúng cho hồn vía người ốm được khỏe mạnh và sau đó làm lễ buộc vía cho người ốm.

Dạng thứ tư được gọi là *họng vắn dong châu*. Đây là cách gọi hồn cho những người có tuổi. Theo quan niệm của người Thái, con người lúc về già hồn vía thường ra khỏi “thân chủ” của nó để đến với ông bà, tổ tiên. Do vậy, khi biết hồn vía của người đó đã đi ở với tổ tiên, người ta phải làm 1 lễ cúng lên *đằm chào* để gọi hồn về gọi là *họng vắn dong châu*. Để tổ chức nghi lễ tín ngưỡng này, người ta phải chuẩn bị một mâm cúng gồm có: 1 cái giỏ, trong đó có một cái áo của người ốm, 1 gói cơm, 1 gói muối (nếu nhà có điều kiện có thể thay bằng thịt gà); 1 chai rượu với 2 cái chén; 1 đĩa trầu 5 miếng và 1 que củi đã đun cháy giờ một đầu. Mâm cúng được đặt trong một cái chiếu trải sẵn trước cầu thang lên xuống. Lễ cúng này phải do một người làm nghề *môn* hoặc nghề *một* đảm nhiệm và thường kéo dài từ 5 đến 8 giờ mới xong. Sau lễ gọi hồn người ta phải làm lễ cúng đón hồn trở về (gọi là *tòn vắn*), và cuối cùng, phải làm lễ buộc vía để giữ cho hồn vía khỏi ra ngoài.

Ngoài những nghi lễ gọi hồn kể trên, trong tập quán của người Thái ở Nghệ An còn có lễ *tòn vắn huông* (đón vía lớn). Xuất phát từ quan niệm, hồn vía con người khi về già thường sang bên ngoài ở với bố mẹ vợ một thời gian, do vậy, cứ vào khoảng độ tuổi 70 (hoặc sớm hơn), người Thái ở đây thường tổ chức làm lễ gửi áo sang nhà bố mẹ vợ gọi là *Cọi xừa* (gửi áo). Dĩ nhiên, khi đưa hồn vía sang gửi nhà bố mẹ vợ, bên gửi áo phải chuẩn bị một lễ nhỏ gồm có 1 đôi gà, 1 chai rượu để cúng cho ông bà tổ tiên bên ngoài biết vợ chồng đã về làm lễ *Cừ xừa*. Thời gian gửi áo lâu hay mau là tùy thuộc vào công việc chuẩn bị của gia đình. Bởi muốn đón vía trở về, trước hết gia đình phải chuẩn bị 1 con lợn vía (gọi là *mu vắn*). Lợn được dùng để cúng trong lễ *vắn huông* phải là con lợn trước đó đã được thầy mo làm lễ đánh dấu để hồn vía của vợ chồng gửi áo nhận và chăm sóc nó. Theo

người Thái, đây là con vật rất thiêng, do vậy, khi đã làm lễ đánh dấu rồi thì không được sử dụng vào những mục đích khác (trừ khi thời gian gửi áo quá lâu phải làm lễ xin hồn vía cho thay lại con khác). Thông thường, khi lợn vía đã lớn, con cháu trong nhà tổ chức đi đón vía về gọi là *tòn vãn*. Để đón vía về, theo phong tục bên đón vía phải có 1 lễ nhỏ gồm 1 đôi gà, 1 chai rượu và 5 miếng trầu cau để cúng cho tổ tiên bên ngoại biết. Có thể nói, đây là một trong những nghi lễ rất quan trọng đối với mỗi một đời người, do vậy, không những bên đón vía chuẩn bị chu đáo mà bên ngoại cũng chuẩn bị lễ vật rất nhiều để mừng cho bên đón vía như vải vóc, chăn đệm, lợn, gà và nhiều loại thực phẩm khác. Khi đoàn đón vía về đến gần nhà thì con cháu tổ chức đánh trống, khoa chiêng vừa để chúc mừng hồn vía trở về, đồng thời cũng là nghi thức mở đầu cho lễ *vãn huộng*. Hồn vía được đưa thẳng vào buồng ngủ của người được đón vía. Trong buồng, người ta đã bố trí sẵn 1 mâm cúng gồm có thịt lợn (được chia thành 2 nhóm thịt xen kẽ 1 nhóm lòng, còn phần đầu, chân, và móng thì để thành 1 nhóm riêng), rượu cần, xôi, 2 cái bát và 4 đôi đũa. Khi làm lễ cúng người được làm vía luôn phải ngồi bên cạnh mâm. Tuy nhiên, mọi thực hành nghi lễ cúng vía đều do thầy mo đảm nhiệm. Nội dung chính của nghi lễ là thầy mo báo với tổ tiên về công trạng của người được làm vía trong suốt cuộc đời đã làm được nhiều điều cho gia đình, dòng họ; đến nay tuy tuổi đã cao nhưng vẫn còn là chỗ dựa của gia đình, nên con cháu tổ chức làm vía để tỏ lòng biết ơn, thể hiện sự hiếu thảo đối với ông bà, đồng thời cũng là để cầu chúc cho hồn vía ông bà được khỏe mạnh và tiếp tục giúp đỡ con cháu. Sau lễ cúng hồn, thầy mo lấy 2 sợi chỉ đen (hay sợi gai) buộc vào cổ tay người được làm vía.

Thông thường, người ta không bao giờ tự cắt/dứt chỉ buộc cổ tay, mà để tự nó đứt, vì nếu không hồn của đương sự sẽ thoát khỏi thể xác dẫn đến ốm đau. Bà con, anh em họ hàng đến dự thường mừng tiền, gạo hay chai rượu, con gà góp vui với gia chủ. Ngoài đương sự, người ta cũng có thể buộc chỉ cổ tay cho cả con cháu trong gia đình với mong muốn cầu sức khỏe và may mắn.

Về ý nghĩa, lễ gọi hồn buộc chỉ cổ tay thực chất là lễ cầu sức khỏe, đáp ứng nhu cầu tâm linh của cá nhân và cộng đồng. Vì thế, đây là nét đẹp trong văn hóa ứng xử của người Thái nói chung. Lễ buộc chỉ cổ

tay còn là một nét văn hóa biểu trưng cho lòng mến khách của người Thái đối với bè bạn, khách quý. Khi buộc chỉ, bao giờ người Thái cũng dành những lời chúc tốt đẹp nhất cho người được buộc.

Như đã đề cập, bên cạnh xem bói, tổ chức lễ gọi hồn, người ta thường kết hợp chữa trị cho người ốm đau, bệnh tật bằng các bài thuốc dân gian, nhưng trước kia, việc cúng gọi hồn cho người bệnh luôn là mục đích được đề cao.

### 3.2.2. Chữa trị bằng thuốc dân gian

Việc chữa trị bệnh tật bằng các phương thuốc dân gian ở người Thái đã có từ lâu đời. Theo đó, tại các vùng sâu vùng xa, do điều kiện giao thông đi lại khó khăn, cũng như các vùng trung tâm, đi lại thuận tiện, thông thường khi trong nhà có người bị bệnh, người ta thường tìm đến các thầy lang để xin thuốc về chữa trị. Muốn có thuốc, người ta phải sắm một lễ nhỏ gồm: áo (của người bệnh), đĩa trầu cau, bát gạo và ít tiền (có thể kèm thêm chai rượu) mang đến trình bày bệnh tình với thầy lang, sau đó ông ta hẹn ngày giờ đến lấy thuốc về uống. Cũng có khi người ta đích thân đến mời thầy thuốc về nhà chẩn đoán bệnh để bốc thuốc chữa trị. Đây thường là những trường hợp người bệnh đã có biểu hiện bệnh lý rõ ràng, nên tùy theo mức độ nặng, nhẹ, thầy thuốc có thể tiến hành sơ cứu và tìm ra phương cách chữa trị hợp lý nhất cho người bệnh. Việc sơ cứu thường mang màu sắc tôn giáo như khẩn vái báo cho vị tổ sư hay lấy một chén nước đặt lên bàn thờ vị tổ sư, làm phép rồi cho bệnh nhân uống để dịu cơn đau, trấn an về mặt tinh thần cho người bệnh.

Do đã xác định rõ được bệnh tật, nên thầy thuốc chỉ việc vào rừng tìm các loại thuốc thích hợp đem về cho bệnh nhân uống thử. Thông thường mỗi đợt điều trị sẽ phải trải qua từ 2 đến 3 đợt thử thuốc. Qua những lần thử thuốc (*hắc mạy dam*), thầy thuốc thường theo dõi tiến triển của bệnh để thay đổi các vị thuốc cũng như liều lượng thích hợp. Trong quá trình sử dụng thuốc chữa bệnh, bao giờ thầy thuốc cũng thường chú trọng đến những vị thuốc có tác dụng bồi bổ cơ thể để người bệnh có sức khỏe, tăng khả năng đề kháng chống chọi với bệnh tật. Trường hợp uống thuốc đến lần thứ 3 mà người bệnh không thuyên giảm thì thầy thuốc cáo lỗi với người nhà và để bệnh nhân tìm thầy thuốc khác. Nếu bệnh tình của bệnh nhân có dấu hiệu thuyên giảm, khả

quan thì thầy thuốc mới tiếp tục chữa chạy và dồn hết công sức, kinh nghiệm bản thân và liều thuốc để cứu chữa cho người bệnh. Đối với các bệnh nặng phải sử dụng các loại lá hoặc cây thuốc độc, người thầy thuốc thường cho sử dụng thử với liều lượng an toàn, tùy theo sự tương thích của cơ thể người bệnh mà tăng hoặc giảm liều lượng vị thuốc đó.

Người Thái quan niệm, hái thuốc chữa bệnh cứu người là bổn phận đã được định sẵn, nên không nhằm mục đích bán lấy tiền, mà chỉ giúp người. Vì thế, các thầy lang không bao giờ lấy tiền người bệnh, cũng không hứa sẽ chữa khỏi bệnh cho họ. Thầy thuốc người Thái rất xem trọng người được truyền nghề ngoài sự nhanh nhẹn, chóng hiểu còn phải có đạo đức tốt, phải luôn xem người bệnh như người nhà, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, mà phải lấy tâm của thầy thuốc làm tiêu chí hành nghề, nếu người bệnh cần đến thì dù có khó khăn, vất vả đến mấy cũng phải đi và chữa bệnh.

Nếu bệnh được chữa khỏi hẳn thì người nhà của người bệnh phải sắm một lễ tạ ơn gọi là *phai hặc mạy*. Lễ vật gồm: 1 con gà luộc, 1 chai rượu trắng, vài bát gạo, một ít tiền, đĩa trà cau, một mảnh vải hay áo/quần biểu thầy lang. Đến nơi, lễ vật được bày ra mâm, thầy lang cúng báo cho vị tổ sư nghề biết bài thuốc hiệu nghiệm đã cứu được người bệnh. Cúng xong, chủ và khách cùng ăn cơm vui vẻ.

Với cách chữa trị này, người Thái cũng đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm trong việc chữa bệnh bằng các bài thuốc dân tộc. Nhiều phương thuốc có thể chữa được các bệnh mãn tính, bệnh nan y. Nhiều thầy lang có tay nghề cao trong việc chữa bệnh, với một số bài thuốc, vị thuốc nổi tiếng trong vùng được người dân kính trọng. Các bài thuốc dân gian của người Thái khá nhiều, chủ yếu là các loại cỏ cây trong rừng, rễ, củ, thân, lá tươi, dùng để đun nước uống, ngâm, rửa, tắm, bó, trải nằm hay đắp lên cơ thể. Việc lấy cây thuốc cũng như uống thuốc thường gắn với một số kiêng kỵ (kiêng chất tanh hôi: thịt gà trắng, cá chép, ba ba), kinh nghiệm chọn ngày giờ, mùa vụ, thời tiết. Có một số bài thuốc khá hiệu nghiệm như chữa sốt rét, chữa gãy chân tay, rắn cắn, cầm máu, sinh con, thấp khớp, viêm gan, lở loét, viêm da... hiện nay vẫn được sử dụng khá phổ biến.

Trong thực tế, việc xem bói, cúng gọi hồn và bốc thuốc dân tộc thường được kết hợp với nhau và đều do một nhóm gồm những người

ít hay nhiều liên quan đến việc thực hành các nghi lễ và tín ngưỡng tôn giáo thực hiện. Trong xã hội Thái, những người này được gọi chung là *MO* (Thầy/Chuyên gia), luôn được người dân kính trọng, bởi họ được xem như là những người ban phúc, chuyên làm điều thiện. Thực ra, *Mo* là danh từ có hàm nghĩa rộng hơn, dùng để chỉ những người giỏi dang, nổi trội/nổi tiếng về một lĩnh vực/một nghề/một chuyên môn nào đó như: âm nhạc, ca hát, dạy học, thợ săn, tính ngày giờ... và bao gồm cả các lĩnh vực bói toán, y học dân gian, cúng bái và chữa bệnh bằng bốc thuốc. Chẳng hạn, người thổi sáo giỏi gọi là *Mo pi*, người hát giỏi được gọi là *Mo khắp*, *mo lăm*, người thợ săn thiện xạ gọi là *Mo phan*, người dạy giỏi gọi là *Mo khu*, người biết tính ngày giờ đẹp gọi là *Mo mự*, người biết thuốc dân tộc gọi là *Mo hặc mạy*, người biết cúng gọi là *Mo xơ*...

Riêng những thầy *Mo* liên quan đến thực hành các nghi lễ tín ngưỡng và bốc thuốc dân tộc gồm có 6 loại, mỗi loại *mo* thường có tên gọi riêng, có chức năng riêng (trừ *mo một* và *mo môn*), cụ thể là:

*Mo nương*, *mo mò*: Thầy xem bói;

*Mo xơ*: Thầy cúng (cúng gọi hồn, làm vía, cúng ma bản, ma nương, cúng ma nương, ma ruộng...);

*Mo tang nhao/Mo xống phi*: Thầy cúng tiễn hồn người chết lên trời. Đây là *mo* chuyên nghiệp, các loại *mo* khác không làm được;

*Mo một*: Thầy cúng chữa bệnh bằng phù phép kiêm bốc thuốc. Khi hành lễ, phải có *khăn thổ cảm* đội đầu (*khăn một*), *ống xem bói*, có một *mo* chuyên *thổi sáo*. Trong quá trình hành lễ, không được uống rượu. Sử dụng âm binh/lính để trừ tà ma. Loại *mo* này cũng có bàn thờ vị tổ sư nghề (*hình một*), hằng năm cúng dâng lễ vật vào tháng 4 hoặc tháng 8 gọi là lễ *Xăng khan* hay còn gọi là *Ki xà*;

*Mo môn*: Thầy cúng chữa bệnh bằng phù phép kiêm bốc thuốc. Khi hành lễ, có *thanh gươm*, dùng lời lẽ dọa nạt, sử dụng âm binh/lính để trừ tà ma, *được uống rượu* trong quá trình hành lễ. Loại *mo* này có bàn thờ vị tổ sư nghề (*hình môn*), cúng dâng lễ vật vào tháng 4 hoặc tháng 8 hằng năm gọi là lễ *Xăng khan* (nhóm Tày Thanh) hay còn gọi là *Ki xà* (nhóm Tày Mường);

*Mo hặc mạy*: Thầy lang (thầy thuốc), chuyên bốc thuốc dân tộc để chữa trị cho người bị đau ốm, bệnh tật.

#### **4. Một số nhận xét**

Với những tư liệu trình bày trên đây, chúng tôi thấy mặc dù chỉ là những quan niệm dân gian, song người Thái ở Nghệ An cũng đã có những hiểu biết nhất định về sức khỏe và bệnh tật. Quan niệm, nhận thức và hiểu biết về sức khỏe và bệnh tật của họ cũng thay đổi, phù hợp với sự phát triển của xã hội và các thành tựu của y học. Theo đó, cho đến sau năm 1975 và cả thời kỳ bao cấp, khi mà các cơ sở y tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh vùng miền núi, dân tộc thiểu số nói chung, vùng người Thái nói riêng còn nghèo nàn, chưa đáp ứng nhu cầu đòi hỏi; khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh của người dân còn hạn chế, thì việc chữa trị bệnh tật theo cách dân gian truyền thống của người Thái cũng là điều đương nhiên. Chính vì thế, trong suốt thời gian dài, hành vi ứng xử và cách chữa bệnh phổ biến của họ là: xem bói, cúng ma, làm vía kết hợp với uống các phương thuốc dân gian.

Cũng cần khẳng định là: người Thái là một trong những tộc người sở hữu nền y học dân gian hết sức quý giá, với nhiều bài thuốc, vị thuốc khá độc đáo và hiệu nghiệm, trong đó mỗi vùng, mỗi địa phương đều có vài thầy thuốc/kiêm thầy cúng nổi tiếng, có uy tín và được người dân kính trọng.

Từ sau năm 1975 đến năm 1985 trở đi, do phong trào “ăn chín, uống sôi” được phát động; và nhờ các cơ sở y tế ở xã, huyện dần được củng cố, nên người dân có điều kiện tiếp cận hơn với các dịch vụ y tế để chữa bệnh. Tuy nhiên, do khó khăn chung trong khắc phục hậu quả chiến tranh, việc khám bệnh và điều trị bệnh bằng thuốc tân dược của người dân vẫn rất hạn chế, nhất là vùng sâu vùng xa, nên cách chữa trị bệnh tật bằng các bài thuốc dân gian vẫn chiếm ưu thế, kết hợp với việc thực hành các nghi lễ tôn giáo. Từ sau 1986 và nhất là từ sau những năm 1990 trở đi, nhờ các thành tựu của công cuộc Đổi mới, hệ thống cơ sở y tế được củng cố thêm một bước cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ y bác sĩ... người dân được hưởng chính sách ưu tiên nhất định, nên có điều kiện tiếp cận và hưởng thụ nhiều hơn các thành tựu của y học hiện đại. Việc chữa bệnh của người dân phổ biến là khám, chữa trị bệnh bằng thuốc tân dược tại nhà, tại trạm xá hoặc

bệnh viện huyện và khám và điều trị tại bệnh viện tỉnh; kết hợp làm vía buộc chỉ cổ tay.

Một xu hướng chung hiện nay trong việc chữa trị bệnh tật của người Thái là: Tùy theo điều kiện của gia đình, thành phần xã hội mà *Kết hợp giữa y học dân gian* (cúng vía, uống thuốc dân tộc) với *y học hiện đại* (thăm khám, chữa trị tại trạm xá, bệnh viện huyện hoặc tỉnh và thành phố).

Ngoài những hạn chế chung của các cơ sở y tế, hiện nay, hạn chế trong việc tiếp cận và hưởng thụ dịch vụ y tế và các thành tựu y học hiện đại trong chữa trị bệnh tật của người Thái ở Nghệ An nói chung còn do cản trở của một số yếu tố phong tục tập quán truyền thống dân tộc (xem bói, cúng ma, phù phép...) cùng với kiến thức hiểu biết về sức khỏe và bệnh tật và sự giảm sút lòng tin của người dân. Làm thế nào để sử dụng và phát huy các thế mạnh của y học dân gian Thái một cách hiệu quả đang là vấn đề nan giải của ngành Đông y ở địa phương nói chung, góp phần bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa tộc người trong công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay./.

---

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (2006), *Câu chuyện về chiếc ống xem bói của thầy bói người Thái ở Nghệ An*, Hội thảo Nhân học Đông Á và châu Á tại Hồng Kông, Trung Quốc.
2. Vi Văn An (2017), *Người Thái ở miền tây Nghệ An*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Vi Văn An (2016), “Tin ngưỡng cộng đồng của người Thái ở miền tây hai tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa”, (Lê Hải Đăng liên danh), *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr. 63-72.
4. Trần Văn Thức (chủ biên, 2011), *Địa chí huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. *Tình hình HIV/AIDS trên địa bàn huyện Quỳnh Châu*, Báo cáo của Phòng Y tế huyện Quỳnh Châu 2006 và 2010.

**Abstract****MAGICAL ELEMENTS IN THE TREATMENT OF THE THAI  
PEOPLE IN NGHE AN PROVINCE, VIETNAM  
(*FOLK AND PRESENT*)**

The Thai people in the mountainous areas of Nghe An province, Vietnam owns a unique medicinal tradition. In the past, traditional medicine brought into play its role and effectiveness in illness treatment for the people. Besides its advantages through using herbal plants for malady cure, the traditional method still was effected by magical elements (for example, guessing an illness by fortune-telling or the perception that ghosts causing an illness). Nowadays, thanks to policies of the Vietnamese State and Government investigating more in the field of medicine among the mountainous and ethnic minority areas in general, the treatment and healthcare of the Thai people in Nghe An province to some extent has been considerably improved. However, due to the current unfavorable condition, the people's accessibility to the accomplishment of the modern medicine is still limited. Following that, the infrastructure, equipment, healthcare services and especially the capacity of the doctors and healthcare practitioners are the issues that need to be taken into special consideration. Besides, how to use and encourage the advantages of the Thai people's traditional medicine in an effective way is also a question raised in this paper.

**Keywords:** Magical element, treatment, the Thai people, Nghe An, Vietnam.